

Bản án số: 574/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14-8-2023.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Công Nhân.

2. Ông Hoàng Thanh Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Hoàng Vân Anh là Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 781/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 164/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Thúy L, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1979. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường L, phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông V là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyền số 01/2007 do Ủy ban nhân dân phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/01/2007.

Trong thời gian chung sống vợ chồng bà hạnh phúc được 2 năm. Sau đó, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, ông V không lo làm ăn và còn sa đà vào con đường nghiện ngập nên vợ chồng thường cãi vã, đến khi con bà được 2 tuổi thì ông V phải đi cải tạo, thời gian này bà ở nhà phải lo buôn bán để nuôi con và lo cho cuộc sống gia đình. Năm 2015 ông V đi cải tạo về và sống cùng vợ con, thời gian

đầu ông V cũng có làm ăn buôn bán, được một thời gian ngắn thì ông V không chuyên tâm làm ăn và vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nay bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, và không thể tiếp tục chung sống với ông V được nữa nên bà yêu cầu ly hôn với ông V để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Thúy P, sinh ngày 22/7/2007. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu ông V cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Bị đơn - Ông Nguyễn Văn V*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

3. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến*:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án và nhận định như sau:

[1] *Về pháp luật tố tụng dân sự*:

[2] Bà Ngô Thị Thúy L khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con đối với ông Nguyễn Văn V, nơi cư trú: đường L, phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về pháp luật nội dung*:

[5] Xét yêu cầu của bà L yêu cầu ly hôn, nuôi con đối với ông V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[6] Bà L và ông V có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyển số 01/2007 ngày 11/01/2007 của Ủy ban nhân dân phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng với quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Theo bà L trình bày thì trong thời gian chung sống vợ chồng bà hạnh phúc được 2 năm. Sau đó, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, ông V không lo làm ăn và còn sa đà vào con đường nghiện ngập nên vợ chồng thường cãi vã, đến khi con bà được 2 tuổi thì ông V phải đi cải tạo, thời gian này bà ở nhà phải lo buôn bán để nuôi con và lo cho cuộc sống gia đình. Năm 2015 ông V đi cải tạo về và sống cùng vợ con, thời gian đầu ông V cũng có làm ăn buôn bán, được một thời gian ngắn thì ông V không chuyên tâm làm ăn và vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, và không thể tiếp tục chung sống với ông V được nữa nên bà yêu cầu ly hôn với ông V để ổn định cuộc sống.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên, phân tích để bà L đưa ra giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông V và đoàn tụ gia đình nhưng bà L cương quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông V để ổn định cuộc sống.

[9] Đối với ông V, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông V đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ, nhưng ông không đến Tòa giải quyết vụ án, ông cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của bà L và không đưa ra giải pháp nào để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, chứng tỏ ông cũng không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà L và không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ gia đình.

[10] Như vậy, ông V đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì trình bày của bà L được thừa nhận mà không cần phải chứng minh. Xét thấy, hôn nhân giữa bà L và ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[11] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì bà L và ông V có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Thúy P, sinh ngày 22/7/2007. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

[12] Căn cứ vào khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến của trẻ và trẻ đã trình bày được mẹ là bà L thường xuyên chăm sóc nên trẻ có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với bà L.

[13] Xét thấy, bà L là người thường xuyên chăm sóc con chung, chứng tỏ bà L có đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con, hơn nữa

việc tiếp tục giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi là cần thiết đảm bảo ổn định tâm lý, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con, mặt khác ông V cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của bà L. Do đó, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của bà L sau khi ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[14] Về cấp dưỡng: Bà L không yêu cầu ông V cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[15] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[16] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí về tranh chấp hôn nhân và gia đình do nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 3 Điều 208, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thúy L:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà L được ly hôn với ông V.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyển số 01/2007 ngày 11/01/2007 của Ủy ban nhân dân phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh)

1.2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Thanh Thúy P, sinh ngày 22/7/2007 cho mẹ là bà L được trực tiếp nuôi sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng: Bà L không yêu cầu ông V cấp dưỡng.

Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền, lợi ích hợp pháp của con, sau khi ly hôn các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà L phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0015245 ngày 13/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, như vậy bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà L, ông V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. 7;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ, (TK. Vân Anh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Khắc Dương